TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **510**/QĐST-HNGĐ	*Quận 4, ngày 25 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 54, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 464/2018/TLST-VHNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Võ Hà Mỹ T, sinh năm 1987
Nơi cư trú: C132/210A Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Số điện thoại: 077.710.xxxx.

Ông Lê Thanh T, sinh năm 1983
Nơi cư trú: Ấp 05, xã D, huyện E, tỉnh Đồng Tháp.
Số điện thoại: 093.635.xxxx.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Xét thấy, tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17/10/2018, các đương sự đã thỏa thuận như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Hà Mỹ T và ông Lê Thanh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Bà Võ Hà Mỹ T và ông Lê Thanh T xác định có một con chung tên Lê Hoàng Gia B, sinh ngày 06/11/2010. Các đương sự thỏa thuận giao con chung cho bà Võ Hà Mỹ T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trẻ thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con do các đương sự tự thỏa thuận giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Hà Mỹ T và ông Lê Thanh T không có.

4. Về lệ phí: Bà Võ Hà Mỹ T thỏa thuận nộp toàn bộ.

Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Hà Mỹ T và ông Lê Thanh T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 73, quyển số I, do Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 30/6/2010).

- Về con chung: Bà Võ Hà Mỹ T và ông Lê Thanh T xác định có một con chung tên Lê Hoàng Gia B, sinh ngày 06/11/2010. Sau khi ly hôn bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi trẻ thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con do các đương sự tự thỏa thuận giải quyết.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở nhưng ông T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Hà Mỹ T và ông Lê Thanh T không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Võ Hà Mỹ T và ông Lê Thanh T cùng chịu tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm bà T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009481 ngày 27/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, TP. Hồ Chí Minh. Bà T và ông T đã nộp đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Hải Nam